

Tìm một triết lý cứu cánh hay là bàn kĩ về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục

Trần Ngọc Giao

Học viện Quản lý giáo dục

Có thể khẳng định rằng chưa có giai đoạn nào trong lịch sử, sự nghiệp giáo dục của nước ta lại có bước phát triển ấn tượng như giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay : vừa bảo đảm được chủ quyền giáo dục dân tộc vừa chủ động hội nhập quốc tế mức độ toàn cầu xét từ các góc độ của mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục. Mặc dầu vậy, giáo dục nước ta vẫn còn phải đối diện với những vấn đề nan giải:

- *Triết lý giáo dục của chúng ta là gì ? có thể tìm kiếm một triết lý giáo dục để hy vọng đó là cứu cánh cho sự phát triển?*

- *Chương trình học phổ thông đang quá tải, tạo sức ép cho học sinh (UBTVQH, Vietnamnet 15/8/2009), giải quyết thế nào đây?*

- *Khả năng đáp ứng của hệ thống đào tạo ĐH đối với nhu cầu đào tạo nhân lực cho sự nghiệp CNH-HĐH và nhu cầu học tập của nhân dân đang là bất cập lớn nhất (NQ 1534/QH10), giải quyết vấn đề mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo ra sao?*

1. Có thể chẳng tìm kiếm được một triết lý giáo dục mang tính cứu cánh?

Nhiều người bàn đến triết lý giáo dục nhưng đến nay chưa hề có một sự xem xét rõ ràng nào về bản chất của một triết lý giáo dục.

Theo John Dewey, " triết lý là lý luận giáo dục xét trên phương diện phổ biến nhất". Bàn về triết lý nhưng lại có rất nhiều định nghĩa về triết học và điều đó có nghĩa là chưa có một định nghĩa nào được thừa nhận một cách phổ biến. Điều đó chứng tỏ rằng việc tìm kiếm một lý luận giáo dục bao hàm tính toàn bộ, tính tổng quát (đó chính là tính phổ biến nhất) mang tính cứu cánh là quá khó nếu như không muốn nói là khó có thể.

Thay vì đi tìm kiếm một triết lý giáo dục mang tính cứu cánh, phải chăng chúng ta cùng nỗ lực tìm kiếm những quan niệm tương đối rõ ràng (ở mức độ chấp nhận được) về các vấn đề tạo lập thói quen tinh thần và đạo đức trong mối quan hệ với các trở ngại thách thức hiện nay. Cụ thể hơn, thay vì việc đi tìm một triết lý cứu cánh chúng ta có thể bàn thảo nhiều hơn về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục.

2. Mục tiêu, nội dung, chương trình và phương pháp

Trên cơ sở Kết luận 242 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương (NQTW) 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020*, Ngành

GD&ĐT đang chuẩn bị cho việc thay đổi chương trình giáo dục phổ thông sau 2015, và đổi mới GD ĐH, chúng tôi xin chia sẻ một số vấn đề sau :

2.1 Định hướng tiếp cận xác định mục tiêu, thiết kế nội dung và chương trình

a) Giáo dục phổ thông :

i) Mục tiêu của giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông, đúng như tên gọi, sinh ra để trang bị cho con người những hiểu biết cơ bản để sống với cộng đồng xã hội, nói gọn lại :

- Về mặt cá nhân con người phải hiểu hoàn cảnh sống thay vì những phản ứng mang tính bản năng.

- Về mặt xã hội con người phải biết cách sống và cốt lõi là biết chấp nhận người khác khi cùng chung sống trong cộng đồng.

Biết tư duy là thuộc tính riêng của con người và là giá đỡ của hai điều trên.

Về GD phổ thông, chúng tôi tâm đắc với các kết luận của Edgar Morin sau nhiều ngày và nhiều vòng hội thảo xem xét lại chương trình GD PT của CH Pháp với chủ đề “*Trẻ em hiện nay cần cái gì?*”.

Câu trả lời là [1] :

Thứ nhất, Cần một đầu óc được luyện tập tốt hơn là một kho tư liệu.

Thứ hai, Đã sống phải hiểu hoàn cảnh sống

Thứ ba, Cái đáng học nhất là cách sống

Thứ tư, Trách nhiệm công dân trong bối cảnh mới

Từ mục tiêu đó sẽ thiết lập được các nội dung theo yêu cầu và thứ tự ưu tiên tương ứng :

- Để luyện tập tư duy(theo yêu cầu đúng nghĩa của một con người) thì nội dung quan trọng nhất là ngữ văn và sau đó là toán học. Ngôn ngữ vừa là sản phẩm vừa là phương tiện tiến hóa của xã hội loài người, bên cạnh đó thì "văn học là nhân học, học văn để học làm người". Toán học bên cạnh việc trang bị kiến thức và kỹ năng tính toán rất cần thiết (máy tính không thể thay thế hết được) thì toán học còn là sân bãi để luyện tập tư duy.

- Hiểu hoàn cảnh sống là đặc trưng cao nhất (làm nên khác biệt với các loài động vật) để con người vừa biết khai thác tự nhiên (điều kiện tiên quyết của sự tồn tại) và tránh hiểm họa. Tuy nhiên các thành tố cơ bản của hòa cảnh sống là gì?. Đó là : vũ trụ, trái đất, vật chất, sự sống, con người và môi trường sống. Ở Mỹ, Canada và một số nước đã tích hợp các nội dung đó thành môn Khoa học tự nhiên, giảng dạy cho đến hết lớp 10, đến lớp 11 mới tách ra thành các phân môn : Vật lý, Hóa học, Sinh học và Môi trường đáp ứng nhu cầu cho một bộ phận học sinh muốn học tiếp ở những bậc cao hơn.

- Về cách sống thì đương nhiên bao gồm Lịch sử, xã hội học, nghệ thuật...Và nhiều nước cũng tích hợp thành môn khoa học xã hội.

- Về trách nhiệm công dân đặc trưng là khi sống trong cộng đồng thì điều cốt lõi nhất là biết chấp nhận người khác và sống đồng thuận trong cộng đồng. Ngoài ra trong xã hội phát triển những yếu tố về dân tộc học, tôn giáo, về sự thay đổi do tác động của xã hội thông tin là những thứ cần được quan tâm.

ii) Định hướng cho việc phát triển chương trình.

Với sự cần thiết cũng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đó và việc chia thời lượng, định các kiến thức cơ bản được xác định trong khung tổng thể tùy theo cấp học, và do đó không quá nhiều môn và cũng tránh quá tải (do chuyên gia chuyên môn nào cũng cho rằng môn mình đảm nhiệm là quan trọng).

Chẳng hạn Ở Mỹ, Canada từ lớp 6 đến lớp 10 (trong GDPT 12 năm) có các môn sau :

1. Ngữ văn
2. Toán
3. Khoa học tự nhiên
4. Khoa học xã hội và GD công dân

Cộng thêm các môn học tự chọn.

Đến lớp 11 và 12 mới phân môn tiếp để phục vụ cho việc tiếp tục học tập và sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.

Hoạt động dạy – học phải căn cứ vào tâm sinh lý lứa tuổi. **Mọi sự nhồi nhét đều dẫn đến vô cảm**, mà vô cảm là trạng thái đáng sợ nhất của con người, càng nguy hiểm gấp bội đối với trẻ. Hiện nay XH bức xúc vì chương trình quá tải, có nhiều lý do nhưng có lý do khá quan trọng là cấu trúc chương trình các bậc học của chúng ta nhiều phân môn quá mà môn nào cũng được cho là quan trọng. (Hàn quốc, Malaysia tiểu học buổi sáng học có 4 môn Tiếng mẹ đẻ, toán, KH thường thức, Lịch sử), TH chỉ từ 6-8 môn bắt buộc, còn lại tự chọn, chương trình tự chọn do GV của trường thiết kế và chủ động lựa chọn nội dung và phương pháp.

- Đối với GD tiểu học, nguyên tắc truyền thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng dạy các sống là hướng dẫn hỗ trợ HS **tích lũy kinh nghiệm** kể cả tư duy thông qua ví dụ.

- Đối với GD trung học, Từ những năm cuối thế kỉ 20 ở Mỹ đã thảo luận và hình thành lời kêu gọi **“trở về cái căn bản”** chứa đựng trong một báo cáo quan trọng của một Ủy ban bao gồm: Association of American Colleges(AAC), National Institute of Education(NIE) và National Endowment for the Humanities(NEH)) . Cải cách GD của CH Pháp cũng tuyên bố **quay về cái cơ bản** để thích ứng.

b) Đối với GD Đại học.

Trong GD ĐH, mọi người đều nói đến phát triển phẩm chất, kiến thức và kỹ năng cho sinh viên. Cũng như đối với GD phổ thông, cần trở lại các câu hỏi gốc:

- + Đây là những phẩm chất cần phát triển?
- + Loại tri thức nào là quan trọng nhất?
- + Những kỹ năng nào là cái cơ bản nhất?

Từ những câu hỏi xuất phát đó, chúng ta nhận ra rằng vấn đề quan trọng nhất của GD ĐH là chương trình GD SV (Mục tiêu, nội dung, chương trình, PP và đánh giá)

Để trả lời những câu hỏi trên là khó. Sau các NC công phu, dựa trên các hội thảo và công luận, Frank. T. Rhodes đã lựa chọn và giới thiệu các phẩm chất, tri thức và kỹ năng cần thiết đối với SV bậc đại học, đó là [2] :

- i. *Cởi mở, lắng nghe, nói, viết và phân tích.*
- ii. *Tự tin, ham hiểu biết* và những kỹ năng cơ bản để đạt được hai điều này.
- iii. Có hiểu biết và có ý thức hài hòa về *tự nhiên và xã hội.*
- iv. Có khả năng yêu thích để chấp nhận sự *đa dạng*, sự phong phú của những *trải nghiệm* và sự thể hiện của con người.
- v. *Tinh thông* và *đam mê* lĩnh vực chuyên môn đã lựa chọn (thể hiện qua hiểu biết về nội dung kiến thức, lối tư duy và mối liên hệ).
- vi. *Biết cam kết đối với trách nhiệm công dân* (quan trọng nhất của trách nhiệm công dân là tôn trọng và sống hòa hợp với người khác).
- vii. *Định hướng những giá trị cá nhân*, có kỷ luật tự giác và niềm tin theo đuổi phương hướng đó.

Từ đó dẫn đến :

i) Mục tiêu của GD ĐH là trang bị kỹ năng nhận thức, kỹ năng xã hội và kỹ năng nghề nghiệp(chứ không chỉ kỹ năng nghề nghiệp).

Về nghề nghiệp : ở bậc ĐH tập trung vào nguyên lý chung và kiến thức nền tảng. (Châu Âu trong tiến trình thống nhất không gian GD ĐH Bologna), ĐT ĐH bây giờ là 3 năm. Kỹ năng và tính chuyên nghiệp được hoàn thiện tiếp ở bậc cao học). Lý do là tri thức KH CN phát triển quá nhanh, nhu cầu XH thay đổi nhanh và đa dạng cần nền tảng để tự thích ứng.

ii) **Phương thức ĐT** làm nên chất lượng GD ĐH là đào tạo hướng đến cá nhân, tăng cường tương tác giữa SV-Thầy giáo, SV với cộng đồng học thuật, SV với cộng đồng nghề nghiệp và SV với XH.

2.2. Đổi mới phương pháp dạy và học.

Các nhà giáo dục cho hay, trong dạy học có **hai con đường cơ bản** để hình thành tri thức :

Thứ nhất, từ kiến thức đã biết thầy giáo diễn giảng, giải thích, luyện tập... để HS hiểu và vận dụng.

Thứ hai, từ hiểu biết và kinh nghiệm nghề nghiệp, thầy giáo nêu vấn đề gợi mở để HS tự tìm ra tri thức.

Con đường thứ nhất ngược với trình tự mà người ta đã tìm ra tri thức do đó có thể HS có ít đi sự chủ động để sáng tạo nhưng lại tiết kiệm thời gian, tài chính và phù hợp với nhiều điều kiện hoàn cảnh.

Con đường thứ hai hợp với trình tự mà người ta đã khám phá ra tri thức, do đó luyện tập cho HS sự chủ động sáng tạo nhưng lại tốn kém thời gian, lớp học sẽ ít, điều kiện phải tốt hơn ... và do đó đòi hỏi về tài chính nhiều hơn.

Trong từng trường hợp người giáo viên căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh và đối tượng cụ thể để lựa chọn và biết phối hợp. Vấn đề là lựa chọn và kết hợp thế nào?

Chúng tôi đến một trường TH ở Hàn quốc, để đổi mới phương pháp họ buộc giáo viên luôn ghi nhớ trong dạy học cần phải :

- Làm cho học sinh biết tự học, tự vận dụng
- Luôn liên hệ với thực tiễn (đang thay đổi)
- Làm cho học sinh biết làm việc nhóm, biết hợp tác và chia sẻ
- Tận dụng sự hỗ trợ của phương tiện và công nghệ.

Giáo viên nhớ, luôn tâm niệm những định hướng đó họ chủ động vận dụng trong mỗi tiết giảng và các hoàn cảnh giáo dục. Cán bộ quản lý nhà trường, bộ môn đồng nghiệp chia sẻ hỗ trợ.

Ở Singapore, năm 2005, bộ Giáo dục đề xuất, Chính phủ tuyên bố triển khai cuộc vận động *dạy ít học nhiều*, sau một thời gian ngắn, bằng sự chủ động, bằng kinh nghiệm và sự tận tâm giáo viên đã thực hiện sự tìm tòi thực hiện và đã đạt kết quả chưa từng thấy trong đổi mới cách dạy cách học.

2.3. Vấn đề các trường sư phạm.

Các nhà SP tạm phân chia, trên thế giới hiện nay có ba mô hình đào tạo giáo viên :

- *Mô hình định hướng*
- *Mô hình đào phi định hướng*
- *Mô hình kết hợp,*

Trung quốc . 1993 có 257 trường sư phạm độc lập. Sau đề cương cải cách và phát

triển giáo dục, TQ đổi mới đào tạo GV một cách sâu rộng với những định hướng cơ bản sau :

- i) *Xác lập quan hệ mới về trường SP, phá vỡ thế khép kín, liên thông giữa các hệ thống ngành nghề đào tạo và đào tạo giáo viên theo mô hình kết hợp.*
- ii) *Đa dạng loại hình, đa dạng mục tiêu, mở rộng đối tượng phục vụ.*
- iii) *Tăng cường đầu tư nâng cấp các trường SP. Từng bước hợp nhất các trường sư phạm. Nâng cấp các trường CĐ SP lên ĐH nhưng đặc biệt chú trọng đội ngũ giảng viên.*

iv) Cải cách công tác quản lý : Quản lý nhà nước tập trung các yếu tố và yêu cầu vĩ mô, tạo sự chủ động cho nhà trường hướng vào nhu cầu xã hội tại các địa phương.

Nhiều nước Âu, Mỹ thường đào tạo theo mô hình phi định hướng, có một số trường đào tạo theo mô hình kết hợp. Trong hoàn cảnh Việt Nam khi giáo viên đã đáp ứng ở mức độ tương đối bảo hòa, phải chăng nên có một cuộc đổi mới mô hình đào tạo để tạo điều kiện cho sinh viên dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm việc làm trong bối cảnh mà xu thế chuyển đổi nghề nghiệp đang gia tăng.

Vấn đề đào tạo giáo viên cho chương trình GD PT sắp tới cũng cần được nghiên cứu và chuẩn bị tương đối kỹ lưỡng từ bây giờ. Phải chăng, để giáo viên có thể giảng dạy các môn được tích hợp từ một số phân môn truyền thống có thể đào tạo giáo viên theo ngành chính, và ngành phụ (thậm chí 2 ngành phụ) như các trường sư phạm của CH liên bang Đức hiện nay.

3. Tiếp cận và cách làm

Đặt bài toán , phát hiện các vấn đề trong giáo dục thì chắc nhiều người có thể làm được, nhưng làm thế nào thì khó và không phải vấn đề nào cũng có thể làm được trong hoàn cảnh hiện nay. Chúng tôi xin cung cấp một số ví dụ.

Ví dụ 1. Để rút ra được 4 kết luận cho câu trả lời *Đến trường, trẻ hiện nay cần cái gì?* (xem 1, 1.1, i ở trên). Edgar Morin đã có cách tiếp cận khai thác trí tuệ của nhiều người, tổ chức hội thảo đồng đạo, ai suy nghĩ gì về vấn đề này đều có thể phát biểu, dung sơ đồ tư duy phân loại và tiếp tục sử dụng các chuyên gia khái quát nên các vấn đề bản chất nhất và mang tính hệ thống, cơ bản vừa là các định hướng khá rõ cho việc xây dựng chương trình Giáo dục phổ thông. Như vậy *tiếp cận và tư duy hệ thống đúng thì xử lý cụ thể đỡ mắc sai lầm.*

Ví dụ 2. Ngày 18-4-2006 Tổng thống G. Buss ra QĐ số 13398, thành lập Ủy ban tư vấn quốc gia về đánh giá giáo dục Toán học bậc phổ thông. *Thành phần* gồm không quá 30 thành viên, trong đó không quá 20 thành viên là cá nhân các nhà chuyên môn không là nhân viên, công chức của chính quyền trung ương và địa phương, không quá 10 thành viên là nhân viên, công chức của CP ở các cấp. Trưởng ban không phải là thành viên, nhân viên của Chính phủ.

Nhiệm vụ của Ủy ban tư vấn : Đánh giá lại GD toán học phổ thông và tư vấn cho Tổng thống hỗ trợ các bang và chính quyền các cấp về đổi mới GD toán học, khuyến khích tài năng để thế hệ trẻ thành công hơn.

Nhiệm vụ cụ thể hơn :

i) Xác lập căn cứ KH về đánh giá và tư vấn (dựa trên sự xem xét các dấu hiệu, giá trị và các thang đo đáng tin cậy, dựa trên sự chọn mẫu đủ điển hình trong một khung cảnh đủ đa dạng, xem xét theo phương pháp kiểm chứng các giả thuyết, phương pháp nghiên cứu thực tế, phương pháp nội suy (khách quan và chính xác về mặt khoa học), xem xét theo phương pháp kiểm chứng và phương pháp ngoại suy (tính tổng thể của các chương trình và biểu hiện sự học tập của SV); để từ đó các kết luận của Ủy ban sẽ có độ tin cậy cao.

ii) Ủy ban Tư vấn cũng có trách nhiệm xem xét lại cơ sở các cam kết và những lời khuyên (có khi mang tính thời điểm) của các chính khách và những người nổi tiếng, mà chúng không nhất thiết đáp ứng theo tiêu chí khoa học nào cả nhưng diễn đạt mong muốn cho tương lai.

iii) Xem xét sự phù hợp và tính hợp lý khoa học đối với các tuyên bố các phát biểu gây ấn tượng, có khi tạo sự chần động trong công luận (kể cả các tuyên bố cổ vũ và các tuyên bố phản đối).

Để có một báo cáo đủ tốt cho Tổng thống về đánh giá và sự Tư vấn UB TV đã

Chia nhóm :

1. Tiểu ban về xác định các tiêu chí làm căn cứ
2. Nhóm công tác về quá trình học tập.
3. Nhóm công tác về kiến thức kỹ năng
4. Nhóm công tác về quá trình học tập
5. Nhóm công tác về thầy giáo

Trong đó Nhóm 1) là rất quan trọng, mang tính tiên quyết, dù chia nhóm nhưng Nhóm 1 còn có vai trò liên kết chia sẻ thông tin hoạt động của các nhóm. Việc xác định các tiêu chí có : tiêu chí cứng, tiêu chí tương đối cứng, tiêu chí tham khảo và tiêu chí trái ngược.

Tháng 12 - 2007 WB TV có báo cáo tổng thể và đến tháng 12-2008 UB TV đã có báo cáo toàn văn [3].

4. *Đôi điều kết luận :*

Giáo dục liên quan đến mọi mặt đời sống xã hội cho nên ở đâu cũng phức tạp và đương nhiên là rất khó khăn. Để chuẩn bị cho cuộc cải cách nội dung chương trình và phương pháp giáo dục phổ thông sau 2015 và đổi mới GD ĐH chúng ta cần đầu tư công sức và trí tuệ, tham khảo bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế để tìm ra phương án có thể chấp nhận được.

Tiếp cận hệ thống đúng thì hành động cụ thể đỡ sai lầm.

Tài liệu tham khảo

1. Edgar Morin, *Thách đố của thế kỉ 21- Liên kết tri thức*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (2004)
2. Frank H. T. Rhodes, *The Creation of the Future*, Cornell University Press, 2001.
3. John Dewey, *Dân chủ và giáo dục*, NXB Tri thức, 2008.
4. Phạm Phú, *Khuôn mặt mới của giáo dục đại học Việt Nam*, NXB ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
5. <http://www.ed.gov/about/bdscomm/list/mathpanel/reports.html>).
6. <http://www.21stcenturyskills.org>

